

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 06/12/2020

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 32

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay tôi tiếp tục nói về vấn đề liên quan đến thần thông, đây là đề tài khá nhạy cảm, nhưng không thể vì nhạy cảm mà chúng ta tránh né nó. Chúng ta cần phải nhận thức, tiếp nhận nó cho đúng đắn. Hôm nay, trước tiên chúng tôi nói về chín điều khác biệt trong thần thông của Tiểu thừa so với thần thông của Phật Bồ-tát.

Thứ nhất, rộng hẹp không như nhau, phạm vi không như nhau. Thiên nhân, thiên nhĩ của Thanh văn có thể thông đạt 2.000 cõi nước. Duyên giác thì thông đạt 3.000 cõi nước. Hiện tại trong kinh này nói đều có thể thông đạt ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, không biết vượt hơn [Tiểu thừa] biết bao nhiêu lần.

Thứ hai, nhiều ít không như nhau. Tiểu thừa Thanh văn, Duyên giác, một tâm niệm của họ chỉ làm được một việc, không thể làm rất nhiều việc. Phật Bồ-tát có thể hóa hiện đến tất cả thế giới trong mười phương, đồng thời trong cùng một sát-na có thể hiện đủ loại thân: thân trời, thân tu-la, thân người, thân quỷ, thân súc sanh đều có thể hiện.

Thứ ba, lớn nhỏ không như nhau. Nhị Thừa hiện thân lớn, không thể đi vào không gian nhỏ, hiện thân nhỏ thì không thể chứa được thứ lớn. Phật Bồ-tát hiện thân lớn có thể khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, có thể khiến thân thể như vậy tiến vào bên trong một vi trần; cũng có thể hiện thân nhỏ như vi trần dung nạp đại thiên thế giới.

Thứ tư, nhanh chậm không như nhau. Thần túc thông của hàng Nhị thừa nếu muốn đến được nơi xa xôi thì cần phải có thời gian nhất định mới đến được. Phật Bồ-tát thì không như vậy, không cần thời gian, một niệm có thể đến mười phương thế giới.

Thứ năm, hư thực không như nhau. Nhị thừa A-la-hán chỉ hóa hiện được gần giống, không có thực dụng. Phật Bồ-tát hóa hiện đều có công dụng thực sự.

Thứ sáu, việc làm không như nhau. Người mà hàng Nhị thừa hóa hiện ra thì không khiến cho họ có tâm, Phật Bồ-tát có thể hóa hiện ra vô lượng người, có thể làm cho mỗi người đều có tâm, mỗi người đi làm công việc không như nhau. Khiến người khác cảm thấy mỗi người đều giống như người thật sự vậy, có tâm tư suy nghĩ, nhưng hàng Nhị thừa thì không làm được.

Thứ bảy, những gì hóa hiện ra không như nhau. Phật Bồ-tát chỉ hiện một thân nhưng có thể khiến mọi người nhìn thấy đủ loại người không như nhau. Có thể phát ra một âm thanh [nhưng lại] khiến mỗi người nghe mỗi khác. Còn có thể an trụ một chỗ mà hiện thân khắp mười phương, Nhị thừa thì không thể.

Thứ tám, công dụng của các căn không như nhau. Sáu căn của Bồ-tát có thể dùng thay nhau, mắt, tai, mũi, v.v... đều có thể dùng thay nhau, nhưng Nhị Thừa thì không được.

Thứ chín, tự tại không như nhau. Kinh Niết-bàn nói chư Phật Bồ-tát phạm làm việc gì thì thân tâm đều tự tại. Khi hiện thân lớn, tâm không tăng lớn theo; hiện thân nhỏ, tâm cũng không nhỏ theo. Hiện ra tướng vui vẻ, tâm cũng không vui theo; hiện tướng lo âu, tâm cũng không lo âu. Việc này Nhị thừa không làm được. Thần thông mà hàng Nhị thừa đắc so với điều này kém hơn nhiều như thế.

Nghe đến đây có đồng tu có thể sẽ hỏi, phạm phu chúng ta có thần thông hay không? Đáp án là chắc chắn có. Bởi vì thần thông là tự tánh. Vậy vì sao không thể hiển hiện ra được? Bởi vì tâm không thanh tịnh nên bị chướng ngại. Có người tâm thanh tịnh được một chút, thần thông đều có thể hiện tiền.

Xin nêu một ví dụ, khoảng chín năm về trước, có một lần tôi và vị chủ nhiệm chủ quản đi Trịnh Châu tham gia hội nghị công tác giám sát kiểm tra kỷ luật toàn quốc, hơn hai giờ chiều mới lên máy bay, buổi sáng tôi vẫn đi làm như thường. Đến trưa, ông nhà tôi đến phòng làm việc của tôi, đưa cho tôi một tờ giấy, ở trên viết những gì tôi nhớ không rõ, ông ấy nói với tôi, bà hãy mang theo tờ giấy này, đi họp xong nhất định phải đưa lại cho tôi. Tôi nghĩ thầm, thần kinh có vấn đề rồi, lại làm trò quái gở gì đây, nhưng tôi vẫn cầm lấy tờ giấy. Ông ấy rời khỏi phòng làm việc còn nhắc tôi một câu, đừng quên khi về phải trả tờ giấy cho tôi đó. Đi công tác

về, tôi vừa bước vào nhà, câu đầu tiên ông ấy nói là, lúc bà đi thì máy bay gặp sự cố, tôi ngăn người ra, máy bay thật sự là gặp chút sự cố, sao ông ấy lại biết được vậy? Ông ấy nói với tôi, tôi bảo bà trả tờ giấy nhỏ ấy lại cho tôi chính là để bà được bình an trở về, nếu không có tờ giấy nhỏ của tôi thì bà không quay về được đâu, tin hay không tin, tùy bà lựa chọn. Ông nhà tôi nói với bạn đồng tu rằng: những gì ông ấy biểu diễn là đại trí nhưng ra vẻ giống như thần kinh bất thường, điên rồ hay là thông đạt hãy tự mình chọn lấy. Tôi tin, bởi vì tâm ông ấy thanh tịnh.

Sanh đến thế giới Cực Lạc sẽ đạt được thần thông bất cộng của Đại thừa, lại có thêm nguyện lực thù thắng của đức Di-đà, cho nên siêu vượt hơn mức thông thường.

Túc mạng thông có thể tự biết những việc thiện ác đã làm trong vô lượng kiếp quá khứ. Ví dụ, khi Thế Tôn tại thế, có người đến xin xuất gia, chư đại đệ tử quán sát thiện căn của người này, đến tận tám vạn kiếp đều không gieo trồng thiện căn, thế là cự tuyệt và nói, không được, ông hãy đi đi, ông không có thiện căn, ông không thể xuất gia. Ông ấy liền rời khỏi, trên đường ông gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật, ông nói với Phật ông muốn xuất gia, Thích-ca Mâu-ni Phật thu nhận ông, về sau ông đắc đạo.

Mọi người nói ông không có thiện căn. Phật nói, các ông không biết, trước đó tám vạn kiếp ông ấy là tiều phu, gặp phải hổ, ông ấy leo lên cây, hổ bỏ đi, ông ấy nhẹ nhàng niệm một câu “Nam mô Phật”. Do một niệm thiện căn này mà tám vạn kiếp sau ông ấy gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật, lại còn xuất gia, lại còn đắc đạo.

Thần thông của Phật không có hạn lượng, vượt xa hết thầy A-la-hán. Sách Hội Sớ nói túc mạng thông có thể biết được túc mạng và những việc làm trong một đời, hai đời, ba đời cho đến trăm ngàn vạn đời của chính mình, cũng biết được túc mạng và những việc làm của mỗi chúng sanh trong lục đạo. Được thần thông này rất có lợi, nếu không biết túc mạng thì bạn chẳng sót sáng làm thiện, chẳng biết sợ điều ác, vì vậy mà giải đãi.

A-la-hán nghĩ đến nỗi khổ đã chịu trong địa ngục mà toát mồ hôi, thậm chí toát mồ hôi máu, biết rằng thật đáng sợ. A-la-hán đã đắc thần thông nên không quên, còn chúng sanh thông thường đều quên hết, người trong địa ngục thì càng dễ quên. Trong địa ngục, lửa đốt cột đồng, họ nhìn thấy là một mỹ nữ nên đến ôm, vừa ôm vào thì thiêu khét chính mình; gió vừa thổi đến thì sống lại, sống lại rồi thì không

nhớ nữa, lại nhìn thấy mỹ nữ, lại đến ôm, lại bị thiêu khét, biết bao vạn lần trong một đêm, rốt cuộc họ đều không nhớ. A-la-hán nhớ được, nghĩ đến thì toát mồ hôi máu, các ngài biết sự khủng khiếp nên không dám tạo ác nữa, các ngài còn vô cùng tha thiết khuyên nhủ mọi người.

Hơn nữa, biết được túc mạng thì sẽ không tự cao tự đại, biết rằng những công đức hoàn thành được trong quá khứ đều do sự gia trì của Phật. Chúng ta sở dĩ có thể vãng sanh chẳng phải do công đức của bản thân đầy đủ, mà nhờ thệ nguyện của A-di-đà Phật. Bạn hãy cộng tất cả những hạnh nghiệp trong nhiều đời của mình lại thì sẽ biết tội lỗi rất nhiều, công đức rất nhỏ bé yếu ớt. Ngày nay có thể có được nhân duyên thù thắng như vậy, hoàn toàn nhờ vào lực gia trì của Di-đà, mới biết rằng hoàn toàn dựa vào đức của Phật, mới sanh tâm cảm ân kính ngưỡng sâu sắc.

Nguyện thứ bảy: nguyện đặc thiên nhãn thông.

Nguyện thứ tám: nguyện đặc thiên nhĩ thông.

Nguyện văn là: **Giai năng đồng thị, triệt thính, tri thập phương khứ lai hiện tại chi sự. Bất đặc thị nguyện, bất thủ Chánh giác.**

Đều có thể thấy rõ ràng, nghe thấu triệt, biết các việc quá khứ, hiện tại, vị lai trong mười phương. Nếu không được như nguyện thì không thành Chánh giác.

Đồng thị là thấy rõ ràng triệt đế. Triệt thính là toàn bộ đều có thể nghe thấy rõ ràng. Nhìn thấy được tất cả, nghe được tất cả, cho nên có thể biết những việc quá khứ, hiện tại, vị lai của mười phương. Hai câu này bao gồm thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, là hai nguyện thứ bảy và thứ tám.

Thiên nhãn thông còn gọi là thiên nhãn trí thông, cũng gọi là sanh tử trí thông. Vì sao gọi là thiên nhãn? Vì đó là mắt mà người cõi trời đặc được, họ có thể nhìn thấy hết thủy sắc tướng xa gần, thô tế. Thứ rất vi tế mà mọi người không nhìn thấy họ thấy rất hiển nhiên. Trên chân con ruồi có bao nhiêu vi khuẩn chúng ta không nhìn thấy, phải nhờ vào trợ giúp của kính hiển vi, phải có thiết bị, thiên nhãn thì không cần. Thứ quá to, người ta cũng nhìn không thấy.

Bạn đến Bạch Tháp tại Bắc Hải - Bắc Kinh, bạn sẽ nhìn thấy một vòng tròn, lấy điểm đứng của mình làm tâm vòng tròn, dùng thị lực làm bán kính, thì khu vực mà mình nhìn thấy là một vòng tròn. Bên ngoài vòng tròn đó rõ ràng là có nhưng

mắt lại không nhìn thấy. Do vậy mắt của con người có chướng ngại. Hơn nữa, thiên nhãn thông còn được gọi là sanh tử trí thông, có thể biết được tướng sanh tử trong quá khứ vị lai của chúng sanh, có thể biết chúng sanh sau khi chết sẽ đi về đâu.

Đại Trí Độ Luận nói, phạm vi mà thiên nhãn có thể nhìn thấy là tự địa và hạ địa. Ví dụ, người trời Dục giới thì tự địa của họ là trời Dục giới, hạ địa là trời Dục giới trở xuống gồm có người, tu-la, súc sanh, quý, địa ngục, họ đều có thể nhìn thấy được; còn cảnh giới của trời Sắc giới, trời Vô sắc giới, Phật Bồ-tát vượt hơn họ, nên họ không nhìn thấy được. Thiên nhãn thông vượt xa nhục nhãn, là nhờ sự thấu triệt của thiên nhãn. Nhục nhãn chỉ có thể nhìn thấy “chướng nội” (trong vòng chướng ngại), ví dụ bức tường trước mắt là chướng ngại của chúng ta, bên ngoài bức tường chúng ta sẽ không nhìn thấy. Thiên nhãn thì khác, có thể xuyên qua bức tường, vẫn có thể nhìn thấy bên ngoài chướng ngại, các loại hình sắc của thế xuất thế gian đều không thể chướng ngại.

Chúng ta lại so sánh một chút, Bồ-tát Long Thọ nói, tiểu Thanh văn thông thường có thể nhìn thấy một ngàn thế giới, khi tác ý tức là họ đã nhập định thì có thể nhìn thấy hai ngàn cõi nước. Đại Thanh văn thì thấy nhiều hơn một chút, Duyên giác thì thấy nhiều hơn một chút nữa. Đại Duyên giác bất luận tác ý hay không tác ý đều có thể nhìn thấy ba ngàn đại thiên thế giới. Chư Bồ-tát có thể nhìn thấy sự vật trong vô lượng thế giới. Còn người dân của thế giới Cực Lạc, bản dịch vào thời Tống nói, hết thấy đều đắc thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy sắc tướng thô tế của trăm ngàn câu-chi (trăm vạn) na-do-tha (ức) thế giới. Ưc có thể là mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn, bất luận là con số nào khi nhân với nhau thì sẽ thành con số vô cùng lớn. Bản kinh hiện tại nói “nhìn thấu mười phương”, cũng tức là có thể thấy, biết vô lượng thế giới. Thiên nhãn thông của người ở thế giới Cực Lạc có thể nhìn thấy rõ sự việc quá khứ hiện tại vị lai trong vô lượng thế giới mười phương, đó là do nguyện lực của Di-đà, vượt xa hơn nhiều so với thần thông do báo đắc hoặc do tu Thiên định mà đạt được.

Nguyện được thiên nhãn thông trong biển nguyện của Di-đà đã bao hàm việc khơi mở diệu dụng tu trì cho nhân dân. Có chúng sanh không nhìn thấy quả khổ nên họ không sợ việc gieo nhân khổ. Có thiên nhãn rồi, biết được việc trong tương lai đủ loại khổ báo nên sẽ sợ hãi không dám tạo nhân khổ. Do cũng nhìn thấy quả vui nên tu nhân vui. Nhục nhãn không nhìn thấy vùng ngoài chướng ngại, không nhìn thấy

khổ của địa ngục, ngã quý, không nhìn thấy cha mẹ, sự trường trong quá khứ của mình đang chịu đủ loại quả báo thâm, nên không nghĩ đến việc cứu giúp, không chịu tinh tấn tu trì. Nếu như đích thân nhìn thấy nghe thấy bạn còn hưởng vui được hay chẳng, còn có thể tiếp tục giải đãi chẳng? Tâm yểm ly (chán lìa) tự nhiên tha thiết, tâm báo ân càng sâu đậm hơn, đây chính là ý nghĩa quan trọng của nguyện đăc thiên nhĩ.

Nói sâu hơn nữa, thiên nhĩ của nhân dân nước Cực Lạc không những có thể soi chiếu tướng sinh tử trong quá khứ vị lai của tất cả chúng sanh mười phương, mà còn có thể thấy khắp vô lượng cõi nước Phật nhiều như vi trần, cho nên họ có thể phát tâm, dùng pháp môn Tịnh độ với đại nguyện phổ độ mà cứu giúp chúng sanh, lợi lạc vạn vật, rộng khiến chúng sanh được lợi ích chân thật như nhau. Đây mới là ý nghĩa chân thật của nguyện này.

Thứ tám, nghe rõ sự việc quá khứ hiện tại vị lai ở mười phương, là nguyện đăc thiên nhĩ thông. Thiên nhĩ thông có thể nghe thấy sự khổ vui, mừng lo, cho đến tất cả ngôn ngữ và âm thanh xa gần thô tế của lục đạo chúng sanh bên trong, bên ngoài chướng ngại. Thính lực của chúng ta rất có hạn, âm thanh có thể nghe được chỉ từ vài chục tần số âm thanh trở lên cho đến vài chục ngàn tần số âm thanh trở xuống, chỉ trong một đoạn sóng âm ngắn này. Tần số âm thanh từ mấy chục ngàn trở lên gọi là sóng siêu âm, có rất nhiều tác dụng, nhưng tai của con người không nghe được. Ánh sáng mà nhục nhãn nhìn thấy cũng chỉ là một đoạn trong khoảng ánh sáng đỏ và ánh sáng tím. Căn cứ theo bản dịch thời Ngụy nói thì đều có thể thọ trì. Bản dịch thời Đường nói thiên nhĩ có thể nghe thấy cách nơi Phật thuyết pháp ức na-do-tha trăm ngàn do-tuần. Nhĩ thông của Cực Lạc không những có thể nghe thấy âm thanh của thế gian, mà còn có thể nghe trọn hết chư Phật thuyết pháp, đây là chỗ cực kỳ thù thắng.

Nguyện thứ chín: nguyện đăc tha tâm thông.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đăc tha tâm trí thông. Nhược bất tất tri ức na-do-tha bá thiên Phật sát, chúng sanh tâm niệm giả, bất thủ Chánh giác.**

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh về nước con, đều đăc tha tâm trí thông. Nếu đều không biết được tâm niệm của chúng sanh ở ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật thì không thành Chánh giác.

Đại ý của đoạn kinh văn này là phàm là người sanh đến thế giới Cực Lạc đều có thể biết được suy nghĩ trong tâm của chúng sanh trong vô lượng vô biên cõi Phật.

Sách Hội Sớ nói, thánh chúng ở thế giới Cực Lạc không cần tu trì mà tự nhiên có thể biết được tình hình trong tâm người khác. Do biết được suy nghĩ và ý niệm trong tâm của người khác nên mới có thể ứng với tâm hoan hỷ của họ mà tùy duyên tiếp dẫn.

Câu “ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật” trong lời nguyện là chỉ độ rộng của tha tâm thông, còn có cả độ sâu nữa.

Ví dụ ở Ấn Độ vào thời Đường có vị Đại Nhĩ Tam Tạng có tha tâm thông, ông đến Trung Quốc, vua Đường mời Nam Dương Huệ Trung quốc sư đến khảo nghiệm. Quốc sư hai lần đầu tập trung tư tưởng về cảnh, thấy khí và thấy đua thuyền, Đại Nhĩ Tam Tạng đều trả lời đúng. Nhưng đến lần khảo nghiệm thứ ba thì Đại Nhĩ ngây người cứng lưỡi, không biết nói gì. Quốc sư đánh Đại Nhĩ một cái đúng ngay vào mặt rồi nói, ông là hồ ly tinh.

Từ câu chuyện này có thể thấy thần thông so với minh tâm kiến tánh thì chẳng thấm vào đâu. Tha tâm thông thông thường cũng chỉ là trình độ của Đại Nhĩ, đối với tâm cảnh của quốc sư thì ông ấy không thể đoán biết được.

Thần thông của nhân dân thế giới Cực Lạc siêu vượt thường tình. Sách Chân Giải chú thích bản dịch thời Ngụy rằng tha tâm trí của nhân dân cõi Cực Lạc bậc thấp thì có thể biết được tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn ức na-do-tha cõi nước chư Phật. Sách cho rằng từ “thấp” ở đây chỉ cho tâm niệm của chúng sanh; còn bậc cao thì có thể biết tâm của chư Phật Bồ-tát.

Nhị thừa chỉ có thể biết được thô tâm của phàm phu và Tiểu thừa. Chư Phật Bồ-tát và Bồ-tát ở Cực Lạc có thể biết được tâm của Phật. Nhà Thiên có câu, trong cửa Thiên thật không có một pháp để cho người. Thế nào gọi là thiện tri thức? Không có một pháp để ban cho người, chỉ có giúp người tháo gỡ trói buộc. Bạn bị dính mắc thì chỉ điểm một chút [để bạn] không còn dính mắc nữa, bạn bị trói chặt thì giúp bạn tháo gỡ gút mắc, gút mắc đó là gút mắc trong tâm. Trước tiên cần phải biết tâm niệm của bạn, đồng thời còn biết pháp môn phương tiện chân thật nghĩa của Như Lai thì mới có thể cởi gút mắc cho bạn. Thánh chúng ở thế giới Cực Lạc có đủ tha tâm thông cực sâu cực rộng, nên có thể giáo hóa nhiều nơi.

Nguyện thứ 10: nguyện đắc thần túc thông.

Nguyện thứ 11: nguyện cúng dường khắp chư Phật.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đắc thần thông tự tại Ba-la-mật-đa. Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha bá thiên Phật sát, chu biến tuần lịch, cúng dường chư Phật giả, bất thủ Chánh giác.**

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh về nước con, đều đắc thần thông tự tại Ba-la-mật-đa. Trong một niệm nếu không thể đi khắp hơn trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật để cúng dường chư Phật thì không thành Chánh giác.

“Chu biến tuần lịch” nêu rõ nguyện thứ 10 đắc thần túc thông.

“Cúng dường chư Phật” nêu rõ nguyện thứ 11 cúng dường khắp chư Phật.

Thần túc thông còn gọi là thần túc trí thông, thần cảnh trí thông, như ý thông, thân thông v.v.

Sách Đại Luận nói, có ba loại như ý thông.

Như ý thông thứ nhất là năng đáo. Năng đáo có bốn loại. Thứ nhất là có thể bay như chim. Loại thứ hai là dời chỗ xa đến chỗ gần, đưa chỗ xa đến chỗ gần. Thuyết tương đối cũng có cách nói này: nếu tốc độ của bạn cực nhanh, khi gần bằng tốc độ ánh sáng thì khoảng cách không gian cũng được thu ngắn lại. Loại thứ ba là nơi này mất, nơi kia hiện; nơi này không còn nữa, nơi kia xuất hiện ra. Loại thứ tư là trong một niệm có thể đến nơi, trong một niệm liền đến.

Như ý thông thứ hai là biến đổi, lớn có thể biến thành nhỏ, nhỏ có thể biến thành lớn, một có thể biến thành nhiều, nhiều có thể biến thành một, biến đổi đủ mọi thứ. Những kiểu biến đổi của ngoại đạo nhiều nhất không quá bảy ngày. Quá khứ tương truyền, có người học được một chút thuật điểm sắt hóa vàng của thần tiên, khi người đó biết 500 năm sau vàng đó sẽ không tồn tại nữa, thì nói “con không học môn này của sư phụ đâu, học rồi sẽ gây hại cho người 500 năm sau, vì vàng không còn là vàng nữa, con thà không học [còn hơn]”. Sư phụ của người đó nói, ý niệm này của con đã viên mãn 3.000 công đức. Có thể thấy sự biến đổi của ngoại đạo không thể vĩnh viễn.

Như ý thông thứ ba là thánh như ý, có thể khiến những thứ không đáng yêu, không sạch sẽ trong sáu trần: sắc thanh hương vị xúc trở nên sạch sẽ, quán chúng thành thứ đáng yêu và sạch sẽ. Ngược lại, cũng có thể quán những vật đáng yêu sạch sẽ thành thứ bất tịnh. Thánh như ý này chỉ có Phật mới có.

“Thần thông tự tại”, người sanh đến cõi Cực Lạc đều đầy đủ thần thông, hiển hiện tự tại, không có chướng ngại. Ba-la-mật-đa là đáu bị ngại. Vì có thể triệt để quán triệt tất cả những sự việc tự hành và hóa tha, nên có thể cùng chúng sanh từ bờ sanh tử bên này đến bờ Niết-bàn rốt ráo bên kia, vì vậy mới gọi là Ba-la-mật-đa.

“Ư nhất niệm khoảnh”, thời gian một niệm chỉ là một phần sáu mươi của một cái búng tay, đó chính là một sát-na. Trong một niệm cực ngắn ngủi như vậy có thể đi trọn khắp ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, đồng thời còn cúng dường chư Phật. Diệu dụng của loại thần thông này không thể nghĩ bàn.

“Chu biến tuần lịch” thể hiện các cõi nước mà họ đến vô cùng rộng.

“Cúng dường chư Phật” nghĩa là những việc cần làm thì nhiều vô cùng, hơn nữa cũng chỉ trong thời gian một phần sáu mươi của một cái búng tay đã hoàn thành toàn bộ, cho thấy thế giới Cực Lạc sự sự vô ngại, mở rộng và thu hẹp đồng thời.

Nguyện thứ 12: nguyện nhất định thành Chánh giác.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, viễn ly phân biệt, chư căn tịch tĩnh. Nhược bất quyết định, thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết-bàn giả, bất thủ Chánh giác.**

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh đến nước con, xa lìa phân biệt, các căn tịch tĩnh. Nếu không nhất định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết-bàn thì không thành Chánh giác.

Đại ý của đoạn kinh văn này là, khi tôi thành Phật, tất cả hết thảy chúng sanh sanh đến nước Cực Lạc đều xa lìa tất cả tâm phân biệt, sáu căn đều tịch nhiên an tĩnh, nếu có người không thể nhất định thành Phật, chứng nhập đại Niết-bàn thì tôi không thành Phật. Theo lời nguyện này thì người vãng sanh nhất định thành Phật, cho thấy bản tâm của Di-đà là Nhất Phật thừa. Vì vậy kinh Pháp Hoa, lần sau cùng Phật thuyết pháp, Thanh văn, Duyên giác là Hóa thừa, không có Nhị thừa, Tam thừa, chỉ có Nhất Phật thừa. Lúc Phật thuyết kinh Pháp Hoa có 5.000 đại đệ tử theo

Phật mấy mươi năm đã lui ra, không thể nghe. Thích-ca Mâu-ni Phật nói, lui ra cũng tốt, ngài không giữ họ lại. Thế giới Cực Lạc thì tất cả đều thành Phật, Nhị thừa không sanh, đây là chỗ Đại thừa đi đến, Nhị thừa không thể vãng sanh.

Đại sư Thiện Đạo đối với nguyện này đặt ra bốn tên gọi: nguyện nhất định diệt độ, nguyện chứng đại Niết-bàn, nguyện vô thượng Niết-bàn, nguyện trụ tướng chứng quả.

Bởi vì tu pháp môn Tịnh độ, bất luận quán Phật hay niệm Phật, thông thường đều cho rằng quán thì có sắc tướng, niệm thì có âm thanh, đều là có tướng, phải lìa tướng mới chứng quả. Thế nhưng đại sư Thiện Đạo nói đây là nguyện trụ tướng mà chứng quả, trụ tướng mà vẫn chứng quả được, cách nói này rất thù thắng. Ngay cả Mật tông là tinh thần của Thủ Lăng-nghiêm. Thủ Lăng-nghiêm là hết thấy sự đều rớt ráo kiên cố, tất cả đều hiển hiện pháp thân, thanh sắc đều là thật tướng. Bạn trụ nơi tướng chính là trụ vào thật tướng, cho nên trụ tướng mà chứng quả, điều này thống nhất với lời của đại sư Thiện Đạo.

Đại sư Thiện Đạo còn nói, người tu Tịnh độ không cần gặp lìa tướng, nếu có thể chuyên chí nương vào tướng thì nhất định vãng sanh. Thế nên pháp môn niệm Phật không yêu cầu bạn lìa tướng, bạn không cần quan tâm lìa tướng hay không lìa tướng, hãy thật thà mà niệm thì đều được vãng sanh. Đây quả thực là khai thị vô thượng.

Sách Chân Giải nói, người Nhật Bản đối với ngài Thiện Đạo tôn kính đến cực điểm, xưng ngài là Cao Tổ, tên của nguyện đã nêu tột ý của nguyện. Họ cực kỳ tán thán ngài Thiện Đạo từ nguyện này lập ra bốn tên gọi, cho rằng việc này hiện rõ triết để ý nghĩa chân thật của lời nguyện.

Sự tôn kính của người Trung Hoa đối với ngài Thiện Đạo không bằng người Nhật Bản, bởi vì trong nước có một truyền thuyết sai lầm, cho rằng ngài Thiện Đạo tự sát. Sai rồi, ghi chép sai rồi! Người tự sát là người nêu câu hỏi với đại sư, không phải là đại sư.

Tên của lời nguyện trong kinh hiện nay là “định thành Chánh giác” nguyện tương đồng với tên ngài Thiện Đạo đặt. Đại sư Thiện Đạo đặc biệt chọn ra 5 nguyện trong 48 nguyện, gọi là chân thật nguyện. Đó là: định thành Chánh giác, quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, chư Phật xung thán, thập niệm tất

sanh. Năm nguyện này là chân thật nguyện trong 48 nguyện, cũng chính là trọng tâm then chốt trong 48 nguyện, cũng là tâm tủy của hoàng nguyện Di-đà, bốn tâm của Di-đà. Phải nương vào con đường đơn giản nhất, dễ dàng nhất, viên dung nhất, nhanh chóng nhất là niệm Phật vãng sanh.

Viễn ly phân biệt, chur căn tịch tĩnh.

Phân biệt chính là nhận biết đủ loại khác biệt giữa cái này và cái kia, của tất cả sự và lý. Nó lấy sự phân biệt hư vọng làm thể tánh. Thức thứ sáu chính là thức phân biệt. Vốn là bình đẳng, vốn là không hai, nhưng ở đây lại sinh ra mọi loại sai biệt. Vọng là ở nơi pháp vốn không phân biệt mà phân biệt phải quấy ta người, nên gọi là nghi hoặc phân biệt. Đoạn được hoặc này thì trở thành trí vô phân biệt, nên thức thứ sáu trở thành “diệu quan sát trí”. Câu “viễn ly phân biệt” trong lời nguyện chính là xả ly vọng hoặc phân biệt, hiểu rõ vạn pháp nhất như, chân như chính là vạn pháp, vạn pháp chính là chân như.

Chư căn tịch tĩnh nghĩa là sáu căn đều tịch tĩnh. Tịch là tịch nhiên, lìa khỏi phiền não thì gọi là tịch. Tĩnh là an tĩnh, trừ hết thảy khổ lo thì gọi là tĩnh. Kinh Hoa Nghiêm nói “quán pháp tịch tĩnh, lìa mọi si ám”. Lúc bạn tu quán pháp tịch tĩnh thì quang minh trí tuệ tự hiện, bạn sẽ lìa khỏi sự ngu muội hôn ám. Bốn chữ Thích-ca Mâu-ni Phật nghĩa là tịch mặc và năng nhân. Mâu-ni chính là nghĩa tịch nhiên, tịch tĩnh. Thân, khẩu, ý đều tịch tĩnh thì gọi là Mâu-ni. Thân khẩu ý đại biểu cho sáu căn, thân khẩu ý tịch tĩnh chính là “chư căn tịch tĩnh” ở trong kinh, cũng chính là bốn tánh của Niết-bàn.

Do xa lìa vọng hoặc phân biệt nên các căn mắt tai mũi lưỡi cũng đều tịch tĩnh, khế hợp với lý thể thực tế của Niết-bàn. Nhất định thành Đẳng Chánh Giác nghĩa là nhất định thành Phật.

Chứng đại Niết-bàn.

Niết-bàn có thể phiên dịch thành viên tịch, viên tịch nghĩa là gì? Đức chẳng kém khuyết thì gọi là viên, các chương đều tận thì gọi là tịch, tất cả diệu đức thảy đều đầy đủ, tất cả chương ngại đều được tiêu trừ.

Đại Niết-bàn chỉ cho Niết-bàn của Đại thừa, so với Niết-bàn của Tiểu thừa có bốn phương diện khác biệt:

-Thứ nhất là Niết-bàn có ba đức: pháp thân đức, Bát-nhã đức, giải thoát đức. Niết-bàn của Đại thừa chứng được ba đức này. Tiểu thừa chỉ có giải thoát đức trong ba đức. Họ giải thoát rồi nhưng không chứng được pháp thân, cũng không có trí tuệ Bát-nhã, chỉ có một đức trong ba đức.

-Thứ hai là thường lạc ngã tịnh. Bồ-tát đầy đủ thường lạc ngã tịnh. Niết-bàn của Nhị Thừa chỉ có thường, lạc, tịnh. Họ cũng bất diệt, cũng rất an lạc, cũng rất tịnh, nhưng chưa thấy được chân ngã của pháp thân. Ngã trong thường lạc ngã tịnh là chân ngã, không phải là “ngã tướng” mà kinh Kim Cang nói.

-Thứ ba là Đại Niết-bàn đều lìa khỏi hai loại sanh tử là phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Niết-bàn của Tiểu thừa chỉ lìa khỏi phần đoạn sanh tử (đã đoạn được sanh tử trong sáu cõi luân hồi), nhưng vẫn còn biến dịch sanh tử, còn phải phát tâm đại Bồ-đề, còn phải trải qua 42 giai vị để lên đến giai vị Diệu Giác. Mỗi một giai vị đều là một lần biến dịch, cũng là một lần sanh tử.

-Thứ tư là thân trí. Đại Niết-bàn đầy đủ vô biên thân và trí. Tiểu Niết-bàn thì thân và trí vắng lặng như tro nguội. Đại Niết-bàn và Tiểu Niết-bàn không như nhau. Có người nói Thích-ca Mâu-ni Phật cũng là hữu dư Niết-bàn, cách nói này không đúng. Phạm những người vắng sanh tương lai đều chứng Đại Niết-bàn thì làm sao có thể nói đức Thế Tôn của chúng ta vào hữu dư Niết-bàn chứ? Có một vài cách nói, bất luận người phát ngôn nổi tiếng đến đâu chúng ta nhất định phải lấy lời của bậc thánh để làm tiêu chuẩn, chớ hiếu kỳ ham điều mới lạ.

Nguyện thứ 13: nguyện được quang minh vô lượng.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng, phổ chiếu thập phương, tuyệt thắng chư Phật, thắng ư nhật nguyệt chi minh thiên vạn ức bội.**

Khi con thành Phật, quang minh vô lượng chiếu khắp mười phương, tuyệt đối vượt hơn quang minh của chư Phật, gấp ngàn vạn ức lần ánh sáng của nhật nguyệt.

Nguyện này là nguyện thứ hai trong năm nguyện chân thật của đại sư Thiện Đạo. Đại ý của lời nguyện là, nguyện khi tôi thành Phật, quang minh của tôi không có hạn lượng, không có ranh giới, chiếu khắp tất cả nơi trong mười phương trên dưới. Quang minh phóng ra phải tuyệt đối vượt hơn quang minh của tất cả Phật, so với ánh sáng của mặt trời mặt trăng vượt hơn ngàn vạn ức lần, quang minh trọn khắp các nơi. Công đức diệu dụng của quang minh cũng trùm khắp mọi nơi, có thể chúng

sinh được nhiếp thọ và độ hóa cũng nhiều vô tận. Do vậy đây là cái gốc đại bi phương tiện, là công đức chân thật của báo thân Phật. Chúng ta đại bi độ sanh cần phải có phương tiện, cho nên quang minh chiếu khắp để nhiếp thọ chúng sanh.

Sư Vọng Tây của Nhật Bản nói, mười phương hư không không có ngăn mé, cho nên cõi nước cũng không có ngăn mé. Cõi nước không có ngăn mé nên chúng sanh trong cõi nước cũng không có ngăn mé. Có vô lượng cõi nước thì có vô lượng chúng sanh. Cho nên, đại nguyện này của Pháp Tạng Đại sĩ không phải chỉ độ toàn nhân loại trên một địa cầu mà là đủ loại chúng sanh; cũng chẳng phải chỉ một địa cầu, mà là vô lượng địa cầu, vô lượng thiên thể. Thiên thể vô biên, chúng sanh vô biên, nên đại bi của Phật cũng vô biên, lợi ích ban cho chúng sanh cũng là vô biên, mà mức độ sâu của lợi ích này cũng không có ngăn mé. Nguyên nhân chính là từ chúng sanh mà xuất phát, muốn chúng sanh có được lợi ích không ngăn mé, vì vậy quang minh cũng vô biên.

“Tuyệt thắng chư Phật”, Phật Phật bình đẳng, vì sao lại nói Phật quang của A-di-đà Phật vượt hơn tất cả chư Phật? Như lời kinh nói, quang minh của chư Phật chiếu ra có xa có gần, là do trong quá khứ cầu đạo, công đức sở nguyện có lớn nhỏ không như nhau. Đến lúc thành Phật, mỗi vị được thành tựu tự tại khác nhau, không phải do dự trừ trước.

Lại nữa, uy thần quang minh của A-di-đà Phật là tối tôn đệ nhất, mười phương chư Phật không thể sánh bằng. Đây đều vì quá khứ ở nhân địa nguyện lực của mỗi vị không như nhau, đến khi thành Phật, mỗi vị dựa trên nguyện mà chính mình đã phát tự nhiên thành tựu, không cần sắp xếp. Nguyện mà ngài Pháp Tạng đã phát vượt hơn nguyện của chư Phật, vì vậy khi thành Phật thì uy thần quang minh là tôn quý đệ nhất trong mười phương Phật.

Ngài Pháp Tạng muốn vượt hơn chư Phật, tuyệt đối không phải vì hiếu thắng phô trương thể hiện bản thân, mà tha thiết mong muốn việc phụng hiến chúng sanh của chính mình sẽ mang lại lợi ích chân thật cho chúng sanh vượt hơn chư Phật. Vì vậy nguyện của Di-đà được xưng là đại nguyện vương, vua trong các [nguyện của] chư Phật. Nguyên nhân căn bản chính là ở đây.

Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ (ngài Huyền Trang dịch là Kinh A-di-đà) nói, do đức Như Lai ấy thường phóng vô lượng vô biên diệu quang, chiếu khắp tất cả cõi Phật mười phương, làm các Phật sự. Đức Phật đó chính là A-di-đà

Phật, đây là lời Thích-ca Mâu-ni Phật nói. Đức Phật ấy không gián đoạn mà thường phóng quang, cho nên đức Di-đà còn có hiệu là Thường Chiếu Quang. Quang minh của Phật vô lượng, cho nên hiệu là Vô Lượng Quang; thường chiếu bất đoạn nên lại có hiệu là Thường Chiếu Quang.

Vì vậy ánh sáng của Phật vượt hơn ánh sáng nhật nguyệt ngàn vạn ức lần, tất cả ánh sáng thông thường không thể sánh nổi. Phật phóng quang là thường hằng bất biến, Phật quang là vô lượng, Phật quang là thường chiếu, Phật quang là phổ chiếu, vì sao có người cảm nhận được, có người không cảm nhận được? Xin nêu ví dụ, cùng được ánh sáng rực rỡ của mặt trời soi chiếu nhưng có người lại giương dù lên, nên đương nhiên mặt trời không chiếu đến được. Cũng cùng được Phật quang soi chiếu như nhau nhưng có người không cảm nhận được, bởi vì họ có chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Nhân duyên của mỗi người không như nhau, nên chướng ngại của mỗi người không như nhau.

Ở đây chỉ nêu ra những chướng ngại chung:

Thứ nhất, không buông xả được chấp trước, không buông được phân biệt. Phật Bồ-tát dạy chúng ta rằng người tu đạo chân chánh không thấy lỗi thế gian. Thế nhưng người tu đạo chúng ta cứ dán mắt vào lỗi của thế gian, nhìn ai cũng không vừa mắt. Kết quả là phiền não rất nhiều, oán trời trách người, chẳng những chính mình phiền não mà còn mang phiền não cho người khác.

Thứ hai, ngoan cố chấp trước cái thấy cái biết của mình, không thể hằng thuận chúng sanh, mà chúng sanh phải hằng thuận mình. Nếu có chút không hằng thuận thì oán hận não nộ phiền của họ toàn bộ hiện tiền, chúng sanh đều xa lánh, bạn trở thành người cô độc lẻ loi, làm sao độ chúng sanh đây?

Thứ ba, tâm nghi nặng. Loại người này luôn dùng tâm tiểu nhân đo lòng quân tử, bất luận đối với người nào, việc nào họ cũng phải đặt dấu chấm hỏi. Có lúc điều họ nghĩ ra, nói ra khiến người nghe rồi đều cảm thấy buồn cười. Tôi đã từng nói, không được có tâm hại người, càng không được có tâm đề phòng người. Tôi nói được làm được, tôi trước giờ không đề phòng người khác, rõ ràng biết có người đang hại tôi, tôi cũng không đề phòng, cứ tùy họ thôi. Hại người và đề phòng người đều rất mệt mỏi, chớ làm việc ngốc đó, hãy làm việc đại sự là thành Phật đi.

Thứ tư, tâm đồ kỵ nặng, liên quan đến vấn đề tâm đồ kỵ tôi đã nói qua rất nhiều lần rồi, nhưng vẫn có người nghe không vào. Ở đây tôi trình trọng nói với mọi người, người có tâm đồ kỵ nặng sẽ tự đoạn pháp thân huệ mạng của chính mình. Nếu chúng ta trừ bỏ được những chướng ngại trên, chẳng phải chúng ta sẽ cảm nhận được Phật quang soi chiếu vào rồi sao? Nguyên Phật quang phổ chiếu đến mỗi một người, nguyện mỗi một người đều có thể cảm nhận được Phật quang phổ chiếu.

Những ngày qua, tiểu viện Lục Hòa của chúng tôi mỗi ngày đều được Phật quang phổ chiếu, các bạn có cảm thấy vậy không?

Tiết học này xin giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!